

Số: 19/TB-UBND

Vôi, ngày 18 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của huyện Lạng Giang về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Tuyến đường huyện đoạn từ QL 37 đi đường vành đai V thủ đô (tại thị trấn Vôi, xã Tân Hưng)

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ cơ sở.

Thực hiện Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Tuyến đường huyện đoạn từ QL 37 đi đường vành đai V thủ đô (tại thị trấn Vôi, xã Tân Hưng), UBND thị trấn Vôi tổ chức niêm yết công khai, như sau:

1. Hình thức công khai

- Đăng tải trên phần mềm quy chế dân chủ;
- Niêm yết tại bản tin của UBND thị trấn;
- Niêm yết tại nhà văn hoá TDP Đại Phú 2

2. Địa điểm niêm yết:

- Trụ sở UBND thị trấn Vôi;
- Nhà văn hoá TDP Đại Phú 2.

3. Thời gian niêm yết

- Từ 08 giờ 00 phút, ngày 18/3/2024 đến ngày 18/4/2024.

(Có Quyết định số 481/QĐ-UBND, ngày 15/3/2024 của UBND huyện Lạng Giang kèm theo)

4. UBND thị trấn Vôi và Tổ trưởng TDP Đại Phú 2 có trách nhiệm

- Thông báo rộng rãi bằng các hình thức thích hợp đến toàn thể các hộ dân thuộc TDP Đại Phú 2 được biết và thực hiện;
- Trong thời gian niêm yết công khai, mọi ý kiến, kiến nghị liên quan đến việc công khai, đề nghị liên hệ với UBND thị trấn Vôi để được giải quyết.

UBND thị trấn Vôi thông báo để các tổ chức, cá nhân biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTĐU, HĐND, UBND thị trấn;
- Cán bộ, công chức, người lao động thị trấn;
- TDP Đại Phú 2
- Đài truyền thanh (t/b);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nữ Văn Minh

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Tuyến đường huyện đoạn từ QL 37 đi đường vành đai V thủ đô (tại thị trấn Vôi, xã Tân Hưng)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và số 10/2023/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh);

Căn cứ Công văn số 3201/SNN-KHTC, ngày 27/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 116/TB-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Tuyến đường huyện đoạn từ QL37 đi đường Vành đai V thủ đô, qua địa bàn thị trấn Vôi, xã Tân Hưng;

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 127/TTr-NN&PTNT ngày 14/3/2024 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Tuyến đường huyện đoạn từ QL37 đi đường Vành đai V thủ đô, qua địa bàn thị trấn Vôi, xã Tân Hưng.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

1. Phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Tuyến đường huyện đoạn từ QL 37 đi đường vành đai V thủ đô (tại thị trấn Vôi, xã Tân Hưng) để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cụ thể:

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

2. Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường, UBND thị trấn Vôi, xã Tân Hưng có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho đối tượng nơi có đất thu hồi theo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Tân Hưng và thị trấn Vôi có trách nhiệm niêm yết quyết định tại nhà văn hoá thôn, tổ dân phố nơi có đất thu hồi và trụ sở UBND xã, thị trấn.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường, Chủ tịch UBND xã Tân Hưng; Chủ tịch UBND thị trấn Vôi và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thân Hải Nam

PHỤ LỤC**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND huyện)*

STT	LOẠI TÀI SẢN	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)
1	Cây hàng năm	đ/m ²	9.500
2	Chuối trồng từ 6 tháng đến khi có quả	đ/khóm	53.000
3	Chuối đã có quả	đ/khóm	87.000
4	Đu đủ, Cây từ 9 tháng trở lên	đ/Cây	107.000
5	Hồng Xiêm, Trứng gà ĐK gốc $5\text{ cm} \leq \Phi < 7\text{ cm}$	đ/Cây	195.000
6	Hồng Xiêm, Trứng gà ĐK gốc $7\text{ cm} \leq \Phi < 9\text{ cm}$	đ/Cây	295.000
7	Hồng Xiêm, Trứng gà ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	470.000
8	Táo ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	1.415.000
9	Táo ĐK gốc $12\text{ cm} \leq \Phi < 15\text{ cm}$	đ/Cây	1.805.000
10	Táo ĐK gốc $15\text{ cm} \leq \Phi < 20\text{ cm}$	đ/Cây	2.195.000
11	Táo ĐK gốc từ 20cm trở lên	đ/Cây	2.585.000
12	Bưởi ĐK gốc $5\text{ cm} \leq \Phi < 7\text{ cm}$	đ/Cây	1.091.000
13	Bưởi ĐK gốc $7\text{ cm} \leq \Phi < 9\text{ cm}$	đ/Cây	1.559.000
14	Bưởi ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	2.027.000
15	Bưởi ĐK gốc $12\text{ cm} \leq \Phi < 15\text{ cm}$	đ/Cây	2.306.000
16	Bưởi ĐK gốc $15\text{ cm} \leq \Phi < 20\text{ cm}$	đ/Cây	2.585.000
17	Bưởi ĐK gốc $20\text{ cm} \leq \Phi < 25\text{ cm}$	đ/Cây	2.864.000
18	Na ĐK gốc $5\text{ cm} \leq \Phi < 7\text{ cm}$	đ/Cây	325.000
19	Na ĐK gốc $7\text{ cm} \leq \Phi < 9\text{ cm}$	đ/Cây	573.000
20	Na ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	821.000
21	Na ĐK gốc $12\text{ cm} \leq \Phi < 15\text{ cm}$	đ/Cây	1.069.000
22	Mít, Xoài ĐK gốc $7\text{ cm} \leq \Phi < 9\text{ cm}$	đ/Cây	372.500
23	Mít, Xoài ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	425.000
24	Mít, Xoài ĐK gốc $12\text{ cm} \leq \Phi < 15\text{ cm}$	đ/Cây	530.000
25	Mít, Xoài ĐK gốc $15\text{ cm} \leq \Phi < 19\text{ cm}$	đ/Cây	635.000
26	Mít, Xoài ĐK gốc $19\text{ cm} \leq \Phi < 25\text{ cm}$	đ/Cây	740.000
27	Đào, Mận, Mơ ĐK gốc $7\text{ cm} \leq \Phi < 9\text{ cm}$	đ/Cây	190.000
28	Đào, Mận, Mơ ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	230.000
29	Đào, Mận, Mơ ĐK gốc $12\text{ cm} \leq \Phi < 15\text{ cm}$	đ/Cây	270.000
30	Hồng ăn quả ĐK gốc $7\text{ cm} \leq \Phi < 9\text{ cm}$	đ/Cây	265.000
31	Hồng ăn quả ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \Phi < 12\text{ cm}$	đ/Cây	332.000

STT	LOẠI TÀI SẢN	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)
32	Hồng ăn quả ĐK góc $12\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$	đ/Cây	534.000
33	Hồng ăn quả ĐK góc $15\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$	đ/Cây	706.000
34	Vú sữa ĐK góc $7\text{cm} \leq \Phi < 9\text{cm}$	đ/Cây	595.000
35	Vú sữa ĐK góc $9\text{cm} \leq \Phi < 12\text{cm}$	đ/Cây	1.042.000
36	Vú sữa ĐK góc $12\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$	đ/Cây	1.516.000
37	Vú sữa ĐK góc $15\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$	đ/Cây	1.990.000
38	Vú sữa ĐK góc $20\text{cm} \leq \Phi < 25\text{cm}$	đ/Cây	2.464.000
39	Ổi ĐK góc $7\text{cm} \leq \Phi < 9\text{cm}$	đ/Cây	460.000
40	Ổi ĐK góc $9\text{cm} \leq \Phi < 11\text{cm}$	đ/Cây	640.000
41	Ổi ĐK góc $11\text{cm} \leq \Phi < 13\text{cm}$	đ/Cây	895.000
42	Ổi ĐK góc $13\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$	đ/Cây	1.150.000
43	Ổi ĐK góc $\geq 15\text{cm}$	đ/Cây	1.270.000
44	Đinh lăng trồng từ 1 đến 3 năm tuổi	đ/Cây	11.000
45	Đinh lăng trồng từ 3 đến dưới 5 năm tuổi	đ/Cây	15.000
46	Móc mật, quất hồng bì ĐK góc $7\text{cm} \leq \Phi < 9\text{cm}$	đ/Cây	254.000
47	Móc mật, quất hồng bì ĐK góc $9\text{cm} \leq \Phi < 12\text{cm}$	đ/Cây	310.000
48	Móc mật, quất hồng bì ĐK góc $12\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$	đ/Cây	367.000
49	Sấu ĐK góc $12\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$	đ/Cây	530.000
50	Sấu ĐK góc $15\text{cm} \leq \Phi < 19\text{cm}$	đ/Cây	635.000
51	Sấu ĐK góc $19\text{cm} \leq \Phi < 25\text{cm}$	đ/Cây	740.000
52	Sấu ĐK góc $25\text{cm} \leq \Phi < 29\text{cm}$	đ/Cây	845.000
53	Sấu ĐK góc $29\text{cm} \leq \Phi < 32\text{cm}$	đ/Cây	950.000
54	Sấu ĐK góc $32\text{cm} \leq \Phi < 39\text{cm}$	đ/Cây	1.055.000
55	Sấu ĐK góc $\geq 40\text{cm}$	đ/Cây	1.160.000
56	Vải thiều ĐK tán $3\text{ m} \leq F < 3,5\text{ m}$	đ/Cây	2.281.000
57	Vải thiều ĐK tán $3,5\text{ m} \leq F < 4\text{ m}$	đ/Cây	2.517.000
58	Vải thiều ĐK tán $4\text{ m} \leq F < 4,5\text{ m}$	đ/Cây	2.754.000
59	Vải thiều ĐK tán $4,5\text{ m} \leq F < 5,5\text{ m}$	đ/Cây	2.991.000
60	Vải thiều ĐK tán $5,5\text{ m} \leq F < 6,5\text{ m}$	đ/Cây	3.227.000
61	Vải thiều ĐK tán $6,5\text{ m} \leq F < 7,5\text{ m}$	đ/Cây	3.463.000
62	Nhãn ĐK tán $2\text{ m} \leq F < 3\text{ m}$	đ/Cây	437.000
63	Nhãn ĐK tán $3\text{ m} \leq F < 4\text{ m}$	đ/Cây	758.000
64	Nhãn ĐK tán $4\text{ m} \leq F < 5\text{ m}$	đ/Cây	1.364.000
65	Nhãn ĐK tán $5\text{ m} \leq F < 6\text{ m}$	đ/Cây	1.790.000
66	Nhãn ĐK tán $6\text{ m} \leq F < 7\text{ m}$	đ/Cây	2.216.000

STT	LOẠI TÀI SẢN	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)
67	Nhãn ĐK tán $7\text{ m} \leq F < 8\text{ m}$	đ/Cây	2.642.000
68	Nhãn ĐK tán $8\text{ m} \leq F < 9\text{ m}$	đ/Cây	3.068.000
69	Nhãn ĐK tán $9\text{ m} \leq F < 10\text{ m}$	đ/Cây	3.494.000
70	Bạch đàn, keo ĐK gốc $10\text{cm} \leq \Phi < 13\text{cm}$	đ/Cây	123.000
71	Bạch đàn, keo ĐK gốc $13\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$	đ/Cây	163.000
72	Gừng, nghệ trồng trên 6 tháng	đ/khóm	3.000
73	Mía trồng từ 6 tháng đến sắp thu hoạch	đ/m ²	23.500
74	Ao, hồ nuôi cá chuyên canh	đ/m ²	13.700